

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2026

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	<b>TỔNG THU NSNN</b>	<b>661.219.000.000</b>	<b>335.147.849.248</b>	<b>51%</b>	<b>0%</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>661.219.000.000</b>	<b>335.147.849.248</b>	<b>51%</b>	<b>0%</b>
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	0	229.466.918	0%	0%
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	0	55.655.391	0%	0%
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	337.090.000.000	95.187.683.865	28%	0%
4	Thuế thu nhập cá nhân	61.000.000.000	43.468.147.517	71%	0%
5	Thuế bảo vệ môi trường	0	42.120.000	0%	0%
6	Lệ phí trước bạ	39.000.000.000	6.977.688.772	18%	0%
7	Thu phí, lệ phí	900.000.000	718.131.178	80%	0%
8	Các khoản thu về nhà, đất	214.829.000.000	185.358.501.102	86%	0%
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>			0%	0%
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	9.000.000.000	896.102.272	0%	0%
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	200.000.000.000	184.395.650.000	92%	0%
-	<i>Tiền cho thuê đất</i>	5.829.000.000		0%	0%
	<i>Tiền cho thuê mặt nước</i>		66.748.830	0%	0%
-	<i>Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước</i>	0	0	0%	0%
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	0		0%	0%
10	Thu khác ngân sách	8.400.000.000	3.110.454.505	37%	0%
11	Thu từ quy đất công ích, hoa lợi công sản	0	0	0%	0%
12	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	0	0	0%	0%
13	Thu huy động đóng góp	0	0	0%	0%
<b>II</b>	<b>Thu từ đầu thô</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0%</b>	<b>0%</b>
<b>III</b>	<b>Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0%</b>	<b>0%</b>
<b>VI</b>	<b>Thu viện trợ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0%</b>	<b>0%</b>
<b>VI</b>	<b>Hoản thuế GTGT</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0%</b>	<b>0%</b>